

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG AN INDUSTRIAL SERVICES MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108425022

3. Ngày thành lập: 07/09/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 44 Đông Quan, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 6269 2045

Fax:

Email: info@tacon.vn

Website: www.tacon.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
2.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu	1709
3.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
4.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4791
5.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
6.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
7.	Khai thác gỗ	0220
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
9.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
10.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
11.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
12.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
13.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
14.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: đại lý (không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4610
15.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
16.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

17.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
18.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của nhà báo độc lập; thanh toán hồi phiếu và thông tin tỉ lệ lương; Tư vấn chứng khoán)	7490
19.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
20.	Xây dựng nhà không để ở	4102
21.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
22.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
23.	Khai thác quặng sắt	0710
24.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
25.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
26.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
27.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
28.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
29.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
30.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Thu nhập lâm sản khác trừ gỗ	0232
33.	Khai thác và thu gom than non	0520
34.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
35.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
36.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
37.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
38.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
39.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
40.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
41.	Thu gom rác thải độc hại	3812
42.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
43.	Xây dựng công trình điện	4221
44.	Phá dỡ	4311
45.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
49.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

50.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu mặt hàng công ty kinh doanh	8299
52.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
53.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
54.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
55.	Khai thác muối	0893
56.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
57.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
58.	Bán buôn đồ uống	4633
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không kinh doanh vàng)	4662
61.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
63.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
64.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
65.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
66.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
67.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
68.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
71.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
72.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
74.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
75.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
77.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
78.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
79.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
81.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán (Trừ môi giới chứng khoán)	6612
85.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
86.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
87.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
88.	Bán buôn tổng hợp	4690
89.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
90.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
91.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
92.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810(Chính)
93.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	6820
94.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
95.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
96.	Xây dựng công trình thủy	4291
97.	Trồng cây hàng năm khác	0119
98.	Bán buôn thực phẩm	4632
99.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
101.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
102.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
103.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
104.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
105.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
106.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
107.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
108.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
109.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
110.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
111.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
112.	Quảng cáo	7310
113.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
114.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

115.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của trung tâm tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm)	7810
116.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
117.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
118.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
119.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
120.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
121.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
122.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
123.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
124.	Tái chế phế liệu	3830
125.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
126.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
127.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
128.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐÌNH PHÚC	Đội 4, Xã Nghi Trường, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	5,000	186584253	
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	5,000		

2	NGUYỄN TRUNG THÀNH	Thôn Hùng Vĩ, Xã Đồng Văn, Huyện Yên Lạc, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	350.000	35.000.000.000	70,000	014078000025	
			Tổng số	350.000	35.000.000.000	70,000		
3	VŨ TUẤN ĐẠO	P8 – A1, TT Bắc Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	10.000.000.000	20,000	013269580	
			Tổng số	100.000	10.000.000.000	20,000		
4	PHAN VĂN SÁNG	Số 25 khu Bồng Lai, ngõ Thống Nhất, đường Đê Bát Tràng, tổ 1, Phường Cự Khối, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	2.500.000.000	5,000	034083002470	
			Tổng số	25.000	2.500.000.000	5,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH PHÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 186584253

Ngày cấp: 22/03/2005

Nơi cấp: Công an tỉnh Nghệ An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 4, Xã Nghi Trường, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 44 Đông Quan, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội